

## TÁI ĐỊNH CƯ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA CỦA CƯ DÂN VÙNG VEN ĐÔ Ở MỘT SỐ ĐÔ THỊ TRUNG BỘ HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN MẠNH

Đô thị hóa (Urbanization) là quá trình phát triển kinh tế xã hội để biến một vùng dân cư không có cuộc sống đô thị thành vùng dân cư mang thuộc tính xã hội đô thị. Đó là xã hội mà người dân chuyển dần từ lao động nông nghiệp sang các hoạt động thương mại, công nghiệp, và các ngành nghề dịch vụ khác. Để nhận biết và đo lường hiện tượng đô thị hóa, chúng ta cần phải so sánh sự thay đổi về mật độ dân số, phân bố dân cư, kiến trúc nhà cửa, lối sống và đặc biệt là hình thức hoạt động kinh tế. Như vậy đô thị hóa là một thuật ngữ bao hàm nhiều nội dung: Dân số (nơi mật độ dân cư cao, nhất là dân cư phi nông nghiệp), kinh tế (hoạt động thương mại, công nghiệp và các ngành nghề dịch vụ), văn hóa (thay lối sống người nông dân thành cách ứng xử của người dân thị thành). Đối với tập trung dân cư, mật độ dân cư lệ thuộc vào chất lượng đô thị, đô thị loại I mật độ dân cư trên 15.000 người/km<sup>2</sup>, đô thị loại II - 12.000 người/km<sup>2</sup>, loại III - 10.000 người/km<sup>2</sup>, loại IV - 8.000 người/km<sup>2</sup>, loại V - 6.000 người/km<sup>2</sup>. Cũng tương tự như vậy, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ở đô thị loại I, loại II là  $\geq 90\%$ , loại III -  $\geq 80\%$ , loại IV -  $\geq 70\%$ , loại V -  $\geq 60\%$  (Mạc Đường, 2002, tr. 179-183).

Như vậy, quá trình đô thị hóa luôn đi liền với quá trình thị dân hóa, công nhân hóa người nông dân và quá trình xây dựng các

khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dịch vụ thương mại... Điều đó tất yếu dẫn đến phải sắp xếp lại dân cư, nhất là ở những đô thị mà quá trình đô thị hóa đi liền với việc mở rộng các vùng ven đô, nơi người dân nghìn đời nay sống bằng kinh tế nông nghiệp và ngư nghiệp. Hơn thế nữa, đô thị nước ta, nói như cố giáo sư Trần Quốc Vượng, cũng chỉ là những loại hình liên làng và siêu làng, người Việt Nam cho đến hôm nay vẫn là nông dân (tiểu nông - Peasantry) với các môi cảnh tâm sinh lý: Nông dân - nông nghiệp - nông thôn (Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý dân tộc, 2000, tr. 114); vì vậy, yếu tố đô thị kém phát triển và dấu ấn của người nông dân, nông thôn, nông nghiệp trong lòng đô thị vẫn còn rất đậm nét. Trong dấu ấn đó, đô thị miền Trung lại càng đậm hơn so với đô thị ở hai đầu đất nước. Điều này do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các đô thị miền Trung diễn ra có phần chậm chạp hơn. Trong những năm gần đây, ở khu vực này, như Đồng Hới, Đông Hà, Huế và nhất là Đà Nẵng đang diễn ra một quá trình đô thị hóa mạnh mẽ. Nếu như vào cuối những năm 90 các đô thị này chủ yếu là những trung tâm hành chính tỉnh lỵ với trên dưới 70% dân cư là nông nghiệp, một số làm các ngành nghề thủ công và các dịch vụ buôn bán nhỏ, lực lượng lao động là công nhân trong các nhà máy, các khu chế xuất, các trung tâm công nghiệp rất hạn chế, thì hiện nay quá trình đô

thị hóa đã chuyển đổi lực lượng lao động sang phi nông nghiệp, với tỷ lệ trên dưới 70% dân cư thành phố, trong đó Đà Nẵng, Huế lực lượng phi nông nghiệp là  $\geq 90\%$ , còn ở Đồng Hới và Đông Hà -  $\geq 70\%$ . Việc chuyển đổi lực lượng lao động sang phi nông nghiệp trên một nền đô thị tỉnh lỵ - hành chính - nông nghiệp trước đây tất sẽ dẫn đến quá trình tái định cư, nhất là cư dân vùng ven đô.

Hơn thế nữa, ở các đô thị Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng trong những năm gần đây đang diễn ra một quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là từ khi đô thị Đà Nẵng và Huế được Nhà nước công nhận là đô thị loại I. Quá trình đó đã tạo nên những không gian đô thị đặc thù mang thể mạnh đặc trưng của từng thành phố - đó là những không gian đô thị công nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch, hành chính dân cư, khu chế xuất... và cả những không gian đô thị nhà vườn, tâm linh, không gian làng đô thị vùng ven. Sau đây, chúng tôi sẽ xem xét tình hình cụ thể ở các đô thị Đồng Hới, Đông Hà, Huế, Đà Nẵng.

### **- Đô thị Đồng Hới**

Đô thị này đã hình thành 6 trung tâm:

+ Vùng đô thị trung tâm: Đó là vùng đô thị hành chính thương mại bao gồm các phường Đồng Mỹ, Đồng Hải, một phần Hải Thành. Khu vực này chạy dọc theo quốc lộ 1A, tập trung các khu công sở, khu đô thị thương mại và dịch vụ (siêu thị, khách sạn, nhà hàng...), các khu dân cư, khu vui chơi giải trí, khu thể thao, bảo tàng lịch sử cách mạng...

+ Vùng đô thị phía Đông: Đây là khu vực thuộc phường Hải Thành, Quang Phú, bãi cát Bảo Ninh. Với tầm nhìn hướng ra biển và lợi thế về thiên nhiên trong lành, mát mẻ... vùng đô thị này phát triển các khu công nghiệp đóng tàu, chế biến thủy hải sản; đặc biệt là ngành công nghiệp du lịch với việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng, các dịch vụ nhà hàng, khách sạn...

+ Vùng đô thị phía Tây: thuộc các phường Đức Ninh, Bắc Nghĩa, Nam Nghĩa. Đây là khu vực có diện tích đất tự nhiên rộng rãi, có không gian nhà vườn thoáng mát với hệ thống các loại cây công nghiệp, cây ăn quả rất phong phú như hồ tiêu, cà phê, nhãn, thanh long, chuối, mít, cam, xoài...

+ Vùng đô thị phía Nam: Đây là khu vực thuộc phường Phú Hải. Vùng đô thị này hiện nay tồn tại các cộng đồng dân cư làm nghề thủ công (chủ yếu sản xuất muối) và các dịch vụ cung ứng đô thị kết hợp với nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy hải sản.

+ Vùng đô thị phía Bắc: Đây là khu đô thị đầy tiềm năng với sự có mặt của sân bay Đồng Hới, xí nghiệp gạch đá ốp lát CERAMIC, xí nghiệp cao lanh, nhà máy bia rượu... Hơn nữa, nối với khu đô thị này có vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng - di sản thiên nhiên thế giới (cách Đồng Hới 40 km về phía Bắc), thị tứ Hoàn Lão, Ba Đồn sầm uất, có cảng Gianh, cảng biển nước sâu Hòn La... Vì vậy, nơi đây tập trung phát triển cụm công nghiệp hiện đại, bao gồm công nghiệp chế xuất, công nghiệp vật liệu xây dựng, nhà máy in, nhà máy dệt, nhà máy bia, dịch vụ vận chuyển hàng hoá...

+ Vùng đô thị vệ tinh: Vùng này bao gồm các “làng đô thị” ven thành phố với

việc hình thành các làng chuyên canh rau quả, làng hoa, làng dịch vụ du lịch và thương mại, làng sản xuất mộc mỹ nghệ, làng sản xuất muối... Loại làng này chú trọng việc chuyên môn hoá nghề nghiệp và sự tồn tại các xí nghiệp vừa, nhỏ theo chế độ cổ phần để tạo nên các sản phẩm hàng hoá phục vụ nhu cầu đô thị.

### **- Đô thị Đông Hà**

Đô thị được quy hoạch trên 5 tiểu vùng sau:

+ Vùng đô thị làng sinh thái, làng nghề phía Tây thị xã, thuộc phường III và phường IV: Vùng đô thị này có đặc trưng địa hình đồi núi bát úp, thuận lợi cho việc phát triển các loại cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại cây cảnh để vừa phục vụ mục đích kinh tế, vừa phục vụ du lịch và tạo màu xanh cho không gian đô thị.

+ Vùng đô thị thương mại - dịch vụ và các trung tâm hành chính thuộc phường I và phường V: Vùng đô thị này chủ yếu phát triển theo hướng thương mại và dịch vụ (siêu thị, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí...).

+ Vùng công nghiệp và khu chế xuất hiện đại ở phía Tây Nam đô thị, thuộc phường Đông Lương, Đông Lễ: Vùng đô thị này có lợi thế nằm trên trục đường Bắc - Nam, gần nhà ga, bến cảng. Vì vậy, vùng này chủ yếu xây dựng các nhà máy công nghiệp, các khu chế xuất nhà máy xi măng Đông Hà, nhà máy chế biến gỗ, các khu công nghiệp Nam Đông Hà.

+ Vùng đô thị du lịch sinh thái, du lịch di tích lịch sử và các dịch vụ du lịch: Vùng này thuộc phường Đông Thanh, Đông Giang

ở phía Bắc thành phố, nơi có dòng sông Hiếu thơ mộng chảy qua. Vùng đô thị này phát triển du lịch trên sông, du lịch các di tích lịch sử, văn hóa lịch sử cách mạng. Ngoài ra, nơi đây còn tồn tại làng trồng hoa An Lạc, có thể phát triển du lịch sinh thái.

+ Vùng đô thị vệ tinh: Vùng này bao gồm các “làng ven đô” thành phố như làng chuyên sản xuất mộc mỹ nghệ, làng sản xuất gốm men lam, làng chuyên canh rau quả, làng hoa, làng dịch vụ và thương mại. Vùng này nằm phía Đông và Đông Nam thị xã thuộc một phần các phường Đông Lương, Đông Lễ và phường II.

### **- Thành phố Huế**

Tại đây hình thành 6 trung tâm đô thị như sau:

+ Vùng đô thị cổ ở bờ bắc sông Hương: Vùng này bao gồm cả khu vực quần thể di tích cố đô ở phía Đông Bắc thành phố. Đây là khu vực phân bố dày đặc các di tích lịch sử văn hoá như phủ đệ, hoàng thành, lăng tẩm, nhà vườn, phố cổ bao quanh, Gia Hội, Chi Lăng, Chợ Dinh.

+ Vùng đô thị thương mại, dịch vụ, du lịch hai bên bờ sông Hương: Vùng này gồm khu đô thị thương mại Đông Ba, Trần Hưng Đạo ở bờ bắc sông Hương và khu dịch vụ du lịch Lê Lợi - Hùng Vương - Nguyễn Huệ - Nguyễn Sinh Cung - Cồn Hến bên bờ nam sông Hương. Vùng đô thị này phát triển theo hướng thương mại và dịch vụ du lịch (siêu thị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch, vui chơi nghỉ dưỡng...).

+ Vùng đô thị di tích lịch sử - tôn giáo và huyền thoại ở Tây Nam thành phố: Vùng này bao gồm hệ thống các chùa chiền, đền

miêu, đàn tế trời, các lăng tẩm, đồi thông, các hồ... Vùng này được quy hoạch theo hướng màu xanh thiên nhiên, tượng đài, biểu tượng, di tích để biến nơi đây thành khu du lịch tôn giáo và huyền thoại, không gian tinh thần cho thành phố.

+ Vùng công nghiệp hiện đại ở Đông Nam thành phố: Vùng này tập trung các nhà máy công nghiệp của thành phố như nhà máy dệt may, giày dép, gạch men cũng như khu công nghiệp và sân bay Phú Bài.

+ Vùng đô thị “kinh tế mở” ở phía Đông thành phố: Với tầm nhìn hướng ra biển và lợi thế về thiên nhiên trong lành, mát mẻ, vùng đô thị này sẽ xây dựng các khu kinh tế hiện đại, bao gồm các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu giao lưu buôn bán và dịch vụ du lịch, khu dân cư...

+ Vùng đô thị vệ tinh: Vùng này bao gồm các “làng đô thị” ven thành phố, như làng chuyên sản xuất mộc mỹ nghệ, làng sản xuất gốm men lam, làng chuyên canh rau quả, làng hoa, làng dịch vụ và du lịch thương mại... (Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý dân tộc, 2000, tr. 5-6).

### **- Thành phố Đà Nẵng**

Nơi đây hình thành các khu đô thị sau:

+ Khu trung tâm hành chính thương mại quận Hải Châu, Thanh Khê phát triển khu công sở, khu đô thị thương mại và dịch vụ (siêu thị, khách sạn, nhà hàng...), các khu dân cư, khu vui chơi giải trí, khu thể thao, Bảo tàng Chăm, Bảo tàng lịch sử cách mạng...

+ Khu công nghiệp cao Hòa Khánh - Liên Chiểu: Đây là khu đô thị đầy tiềm năng với việc phát triển cụm công nghiệp hiện đại, như công nghiệp kỹ thuật điện tử, công

ngiệp giày da, công nghiệp may mặc, công nghiệp vật liệu xây dựng...

+ Khu công nghiệp chế xuất Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn: Đây là một cụm công nghiệp tiếp giáp với cảng Đà Nẵng, các khu công nghiệp chế xuất, các dịch vụ vận chuyển hàng hóa, các dịch vụ du lịch...

+ Khu du lịch dịch vụ Sơn Trà - Điện Ngọc: Đây là hệ thống khu công nghiệp dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, resort, các khu vui chơi thể thao phục vụ du lịch, như casino, sân golf...

+ Vùng đô thị vệ tinh ở Cẩm Lệ, Hòa Vang bao gồm các “làng đô thị”, các vùng ven đô với việc hình thành các làng chuyên canh rau quả, làng hoa, làng mộc mỹ nghệ, làng chế biến thủy hải sản, làng cung cấp các dịch vụ du lịch... Trong làng này tồn tại các xí nghiệp vừa và nhỏ hoạt động theo chế độ đóng góp cổ phần để tạo nên sản phẩm hàng hóa phục vụ đô thị.

Đặc biệt, ở các đô thị này đã hình thành các trung tâm kinh tế trọng điểm, như khu công nghiệp Lộc Đại, khu chế xuất và đóng tàu Đồng Hới, khu công nghiệp Nam Đông Hà, với các nhà máy ván ép, gạch men, may xuất khẩu..., khu công nghiệp Quán Ngang, Bắc Đông Hà, cụm khu công nghiệp Hương Sơ, thành phố Huế và các khu công nghiệp vệ tinh, như khu công nghiệp Phú Bài, Tứ Hạ, La Sơn, Phú Thứ, khu công nghiệp Hòa Khánh, An Đồn ở Đà Nẵng...

Rõ ràng quá trình hình thành các trung tâm kinh tế ở các đô thị, các khu kinh tế trọng điểm tất yếu sẽ dẫn đến việc thu hẹp đất sản xuất nông nghiệp và tái định cư cho những người dân ở những vùng ven đô. Trong quá trình tái định cư, về cơ bản, các đô thị đều thực hiện những quy trình đền bù,

giải tỏa mặt bằng và hỗ trợ, ổn định bước đầu cho người dân đến những nơi ở mới. Các thành phố đều hình thành Ban đền bù, giải tỏa mặt bằng; Ban này có chức năng định giá đất, định giá thực trạng nhà cửa của người dân, định giá các cây cối để đền bù theo thỏa thuận. Sau khi đã đền bù, UBND các thành phố cấp đất xây dựng cơ sở hạ tầng, chia lô cho các khu tái định cư, mỗi hộ được nhận một lô đất trong khu tái định cư để xây dựng nhà. Trong trường hợp này, chủ hộ có quyền chuyển nhượng đất ở khu tái định cư và đi tìm một chỗ mới để cư trú, hoặc là các gia đình nằm trong diện giải tỏa được đền bù, tự mình sử dụng kinh phí đền bù để đi tìm đất ở mới. Việc áp giá đền bù đất đai, nhà cửa và cây cối tùy theo từng vị trí đất đai, các thành phố lên những khung định giá cụ thể. Tuy nhiên, không ít trường hợp xảy ra tình trạng việc áp giá đền bù không được người dân đồng tình dẫn đến những bất bình không đáng có trong nhân dân. Trường hợp này diễn ra khá phổ biến ở các đô thị trong quá trình giải tỏa đền bù và có không ít trường hợp phải tiến hành cưỡng chế. Ngoài việc áp giá đền bù, UBND các thành phố còn dành một số ngân sách hỗ trợ cho các gia đình trong quá trình di chuyển đến nơi ở mới, như hỗ trợ tiền vận chuyển, hỗ trợ kinh phí 6 tháng sản xuất ban đầu và một số hỗ trợ khác cho công tác tái định cư. Trong quá trình tái định cư, có một thực tế đã diễn ra, đó là khu cư trú trước đây của người dân thường có diện tích rộng, nhà liền kề với vườn nhà, liền kề với ruộng và cả liền kề với những bãi cỏ chăn nuôi gia súc, ví dụ như khu vực Hòa Vang, Hòa Cầm ở Đà Nẵng, Phú Vang, Hương Thủy, Hương Trà, Quảng Điền ở Thừa Thiên Huế... Nhưng để phục vụ cho quá trình đô thị hóa, người dân được áp giá đền bù và di chuyển đến khu tái định cư mới hoặc tự mình đi tìm đất di

chuyên; nơi ở mới đều có một điểm chung là đất đai nhỏ hẹp, ngoài không gian cư trú, người dân không thể có đất vườn, đất ruộng, bãi chăn thả. Nói cách khác, môi trường sống mới của người dân tái định cư sẽ chật hẹp hơn nhiều so với môi trường sống trước đây.

Từ thực tế đó, chúng ta nhận thấy quá trình tái định cư ở các đô thị lớn tại miền Trung đang diễn ra nhiều vấn đề cần phải quan tâm giải quyết:

Trước hết, các đô thị này cũng nằm trong bối cảnh chung của đô thị Việt Nam, đều là những đô thị nông dân, nông thôn, nông nghiệp, đặc biệt là khu vực ngoại vi, vùng ven đô. Cho đến cuối thế kỷ XX, đa số người dân ở đây vẫn sống dựa vào ruộng đồng. Mùa vụ, họ làm ruộng, hết mùa vụ, họ làm muối, xe nhang, chăn nuôi, làm vườn, trồng cây ăn quả... Từ năm 2000 đến nay, quá trình đô thị hóa đã làm biến đổi giá đất, các công ty, các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước mua đất, thực hiện các dự án mở khách sạn, nhà hàng, sân golf... Mặt khác, nhà nước cũng có quy hoạch giãn các đô thị ra các vùng ven đô và như là một tất yếu, diện tích đất nông nghiệp ở ven đô ngày càng giảm đi một cách đáng kể. Nhiều vùng như Hòa Cầm - Đà Nẵng, diện tích đất nông nghiệp hầu như không còn nữa. Thậm chí, trước nguồn lợi lớn của đất đai, nhiều người dân đã bán cả vườn tược của mình, nơi mà từ xưa đến nay họ sống bằng trồng rau, cây ăn quả, cây công nghiệp... Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người dân bị mất ruộng đất do quy hoạch các khu dân cư, nhà máy. Được đền bù với số tiền lớn, họ đến khu tái định cư mới với một ngôi nhà khang trang hơn, với những tiện nghi vật chất được mua sắm như xe máy, tivi, tủ lạnh... và rồi họ bỏ hẳn nông nghiệp để chuyển sang các ngành

nghề phi nông nghiệp khác. Nhưng đa số những người dân tái định cư này đều không có tay nghề, họ chủ yếu lao động thô sơ, vì vậy, một bộ phận lực lượng lao động trẻ vào các nhà máy, xí nghiệp may mặc giày da để tìm việc làm. Số còn lại tổ chức các dịch vụ thương mại tại chỗ, như bán cà phê, rau quả tạp hóa, bán chè cháo, cơm bụi...; một số đi bán hàng rong; một số thanh niên và trung niên tậu xe để làm nghề xe ôm hoặc phục vụ xây dựng dân dụng... Trong số những hộ tái định cư, không ít trường hợp đã xảy ra sự bi thương, tiền của được đền bù nhưng sau một thời gian, do không có nghề nghiệp ổn định, các thành viên trong gia đình lại rơi vào tình trạng túng thiếu, nợ nần. Cũng có một số gia đình, từ nguồn vốn ban đầu nhận được do giải tỏa đền bù đã biết kinh doanh, biết cách làm ăn vươn lên làm giàu. Ở đây thường diễn ra trường hợp, những gia đình có số tiền lớn được đền bù nhưng không chú tâm đầu tư học nghề cho con em, không tìm ra một phương thức làm ăn hợp lý để sử dụng số tiền đó, nên rơi vào tình trạng nghèo đói. Trong hoàn cảnh này, các gia đình đó lại càng khó khăn hơn bội phần vì các tư liệu sản xuất như ruộng vườn, đất đai không còn nữa.

Thứ hai, các đô thị ở Trung bộ, do kề cận với sông biển nên một bộ phận dân cư làm nghề đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản và khai thác vật liệu xây dựng... Các làng ở quận Thanh Khê thuộc vùng Nam Ô dưới chân đèo Hải Vân, cư dân ở vùng Sơn Trà, Điện Ngọc - Đà Nẵng và ở Huế, có hơn 1.000 hộ dân vạn đò với khoảng 7.000 khẩu sống bằng nghề sông nước (Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, 2008). Tại Đồng Hới có bộ phận dân cư vùng Bảo Ninh, Hải Thành... trong quá trình đô thị hóa cũng được hỗ trợ, đền bù đến những khu tái định cư mới. Các khu vực tái định cư chắc chắn

không còn thuận lợi cho họ trong việc khai thác cát sỏi, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản và không ít bộ phận cư dân này buộc phải chuyển sang những hoạt động kinh tế mới để phù hợp với môi trường đô thị, như dịch vụ du lịch, buôn bán nhỏ, làm việc trong các khu công nghiệp. Nhưng do họ vốn là cư dân ở các làng biển, cư dân sống kề cận vùng sông nước nên tình trạng bị thất học, trình độ nhận thức hạn chế là một trong những rào cản cho việc thích nghi với hoạt động kinh tế trong môi trường đô thị.

Thứ ba, nếu như trước đây, bộ phận cư dân tái định cư này sống trong những cộng đồng làng xã nhất định, có những đặc thù về thổ ngữ, về phong tục tập quán mang đậm dấu ấn của cư dân nông nghiệp, cư dân sông nước, thì nay trong quá trình tái định cư, cộng đồng dân cư đó bị vỡ vụn, phải sống phân tán, mạng lưới xã hội trước đây dần thay đổi (láng giềng thay đổi, người thân cư trú phân tán mỗi người một nơi). Những thói quen trước đây của làng quê, cách nói năng tự nhiên, cách ứng xử tùy tiện “ăn sóng nói gió” đã không còn tồn tại với môi trường tái định cư mới, nên họ phải tiếp nhận một lối sống của cư dân thị thành mà lối sống đó còn quá xa lạ đối với họ. Điều đó không khỏi tạo nên sự bỡ ngỡ, “khập khiễng” trong việc tiếp nhận lối sống mới: Cái cũ đã thành nếp không thể ngày một ngày hai có thể thay đổi, cái mới đã đến nhưng không thể một sớm một chiều trở thành thói quen. Trong điều kiện như vậy, không ít trường hợp đã tạo nên sự xung đột lối sống của cư dân tái định cư, giữa những cư dân sống ở vùng sông nước với cư dân nông nghiệp, giữa cư dân nông nghiệp và sông nước với cư dân đô thị. Họ phi báng và nhìn lối sống của người hàng xóm với con mắt coi thường, ghẻ lạnh; một số gia đình nông thôn chuyển lên khu

tái định cư buộc phải khép mình, không tự tin trong giao tiếp với cộng đồng xã hội đô thị. Thêm vào đó, các cộng đồng tái định cư không còn tồn tại một cấu trúc tự quản truyền thống về già làng, dòng họ, giáp phe... Vai trò cộng đồng bị suy giảm, môi trường đô thị đã làm cho người dân quen dần với lối sống rạch ròi đến trần trụi, độc lập đến cô đơn. Tất cả những điều đó là nhân tố tạo nên sự “nhiều loạn” trong đời sống của các khu đô thị tái định cư.

Thứ tư, một vấn đề gây nhức nhối ở các khu tái định cư là tình trạng ô nhiễm môi trường do nghìn đời nay họ sống ở những làng quê, ruộng vườn và sông nước. Lối sống tự do đã tạo nên thói quen không cất giữ rác thải, không chú trọng đến vệ sinh môi trường, không tạo nên sự ngăn nắp, gọn gàng trong gia đình, ngõ xóm. Những khu tái định cư vùng ven đô có không gian cư trú chật hẹp, do sự liên kề giữa các gia đình, đáng lý họ phải có một thái độ ứng xử với môi trường hợp lý hơn, nhưng thái độ ứng xử với môi trường đô thị còn quá xa lạ với họ. Vì vậy, ở các khu tái định cư này, thường có sự nhếch nhác: Không có hoặc rất thiếu cây cối, rác thải chưa được gom giữ, thậm chí có một số khu tái định cư, như khu tái định cư dân vạn đò ở phường Phú Hiệp, Phú Bình, Vĩnh Dạ, người dân chưa được sử dụng nước sạch. Phải nói rằng khu tái định cư, nhất là khu tái định cư của người dân làm nghề sông nước, do diện tích cư trú hẹp, gia đình đông con cái và tình trạng thất nghiệp còn phổ biến nên kéo theo đó, vấn đề môi trường sống lại càng có nguy cơ ô nhiễm nặng nề hơn.

Còn nhiều vấn đề trong quản lý các cộng đồng tái định cư vùng ven đô ở các đô thị lớn ở Trung bộ, nhưng chỉ những điều nêu trên cũng đã thấy tính phức tạp trong quản lý xã hội để ổn định và phát triển các

cộng đồng đó. Thiết nghĩ đây là công việc cần phải làm ngay của các tổ chức chính quyền, các nhà quản lý ở các đô thị. Theo chúng tôi, những công việc cần phải làm ngay đó là mở các lớp đào tạo nghề cấp tốc, đào tạo ngắn hạn nghề cho con em các gia đình tái định cư để họ có cơ hội nhận việc làm trong môi trường đô thị; phải có những quy ước vừa giáo dục vừa cưỡng chế để bảo vệ môi trường và tạo những điều kiện tốt nhất để người dân được thụ hưởng một môi trường tự nhiên trong lành (cây trồng trong khu vực tái định cư, cơ sở hạ tầng và nguồn nước sạch cho người dân). Bên cạnh đó, cũng phải đặc biệt chú ý đến mối quan hệ thân thiện của cộng đồng cư dân tái định cư bằng cách bên cạnh các tổ chức chính trị xã hội, cần phải xây dựng các tổ chức tự quản mới để kết hợp song song hai hình thức quản lý xã hội: Tự quản và hành chính.

Hy vọng rằng, những suy nghĩ trên đây sẽ góp tiếng nói chung cho việc nâng cao hiệu quả quản lý phát triển cộng đồng tái định cư vùng ven đô ở một số đô thị Trung bộ nước ta trong giai đoạn hiện nay.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Mạc Đường (2002), *Dân tộc học đô thị và vấn đề đô thị hóa*, Nxb Trẻ.
2. Nguyễn Văn Mạnh (2006), “Mối quan hệ giữa văn hóa và văn minh đô thị Huế”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 3-7.
3. Nguyễn Thế Nghĩa, Tôn Nữ Quỳnh Trân (Chủ biên) (2002), *Phát triển đô thị bền vững*, Nxb Khoa học xã hội, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý dân tộc (2000), *Tâm lý người Việt Nam nhìn từ nhiều góc độ*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2008), *Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội*, số 58/BC-UBND, tháng 6.